

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Hồ Quốc	Bảo	3671030049	14/03/1994	4,00	,00	1,20	
2	Phan Bá	Cầu	3671030067	23/12/1994	,00	,00	,00	
3	Đỗ Trọng	Nguyên	3671030069	04/03/1994	4,30	,00	1,30	
4	Trần Phạm Thanh	Tài	3671030098	16/10/1994	5,60	1,90	3,00	
5	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	3,50	4,10	3,90	
6	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	4,00	1,70	2,40	
7	Lê Quang	Huy	3671030157	16/07/1994	5,50	2,20	3,20	
8	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994	7,50	5,30	6,00	
9	Nguyễn Hữu	Phiên	3671030225	24/07/1994	4,20	,00	1,30	
10	Nguyễn Thế	Chiến	3671030243	28/02/1993	3,30	3,60	3,50	
11	Nguyễn	Hoàng	3671030268	24/06/1994	9,80	,00	2,90	
12	Nguyễn Vũ	Đức	3671030296	16/08/1994	5,90	3,80	4,40	
13	Lý Văn	Đức	3671030297	17/09/1991	3,10	,30	1,10	
14	Lê Nhật	Thanh	3671030298	03/09/1994	,00	,00	,00	
15	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	6,00	,30	2,00	
16	Lê Hoàng	Sa	3671030319	22/04/1994	8,40	1,30	3,40	
17	Ngô	Hiếu	3671030322	02/06/1993	6,70	4,00	4,80	
18	Nguyễn Thành	Đồng	3671030337	21/09/1994	,00	,00	,00	
19	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	7,90	,00	2,40	
20	Huỳnh Trí	Tài	3671030361	22/03/1994	3,80	,00	1,10	
21	Trần Huy	Hoàng	3671030376	14/08/1994	6,40	1,70	3,10	
22	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	,00	5,60	3,90	
23	Trương Quang	Lưu	3671030381	28/03/1994	3,90	,00	1,20	
24	Nguyễn Duy	Châu	3671030398	24/06/1993	,00	,00	,00	CT
25	Lưu Thanh	Tài	3671030399	07/03/1994	3,90	,00	1,20	
26	Trịnh Nam	Hiệp	3671030404	28/07/1993	5,80	,00	1,70	
27	Vũ Ngọc	Lâm	3671030416	10/07/1993	4,50	,00	1,40	
28	Trần Công	Lịch	3671030440	17/07/1994	5,00	4,40	4,60	
29	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	4,60	,00	1,40	
30	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992	7,30	2,30	3,80	
31	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	3,90	1,30	2,10	
32	Võ Thanh	Toàn	3671030516	28/11/1994	,00	,00	,00	CT
33	Nguyễn Văn	Tĩnh	3671030518	04/06/1994	9,60	2,80	4,80	
34	Lâm Văn	Huy	3671031611	25/06/1994	7,40	,00	2,20	
35	Ngô Việt	Lâm	3671031630	15/02/1990	,00	,00	,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Duy Huy	Hoàng	3671031860	10/04/1994	,00	,00	,00	
37	Bùi Hòa	Bình	3671031943	08/09/1994	6,50	,00	2,00	
38	Nguyễn Văn	Trọng	3671031974	11/12/1993	,00	,00	,00	CT
39	Nguyễn Thành	Dôn	3671032034	20/05/1994	,00	,00	,00	CT
40	Ngô Hồng	Kha	3671032053	13/11/1993	3,80	5,20	4,80	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)